

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2023/HNGĐ - ST
Ngày 05 - 7 - 2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Nguyễn Quốc Diện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc San là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2023/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 05 năm 2023 về tranh chấp “Xin Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Kim D – sinh năm: 1979 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T – sinh năm: 1976 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29.5.2023 và các lời khai tại Tòa án chị Trần Kim D (Nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1996 không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn, gia đình hai bên đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận chị là vợ chồng với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Nguyễn Hiếu N, sinh ngày 02/3/2004 và cháu Nguyễn Ái N, sinh ngày 12/11/2012. Đối với cháu Hiếu Nhân hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành, có sức khỏe bình thường tự lao động nuôi sống bản thân được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Ái N hiện đang sống chung với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ái N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị xác định tài sản chung vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định trong thời gian chung sống vợ chồng chị không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Tại bản tự khai ngày 29.5.2023 bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Kim D chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1996 không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, gia đình hai bên đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị D nộp đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng với anh thì anh đồng ý Tòa án không công nhận anh và chị D là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Nguyễn Hiếu N, sinh ngày 02/3/2004 và cháu Nguyễn Ái N, sinh ngày 12/11/2012. Đối với cháu Hiếu Nhân hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành, có sức khỏe bình thường tự lao động nuôi sống bản thân được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Ái N hiện đang sống chung với chị D, khi ly hôn anh đồng ý giao cháu Ái N cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định về tài sản chung vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định trong thời gian chung sống vợ chồng anh không nợ ai, cũng không ai nợ anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị D và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Chị Trần Kim D nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T, hiện nay anh T có nơi cư trú tại ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Trần Kim D, bị đơn anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung tranh chấp của vụ án.* Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Chị Trần Kim D và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau vào năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của chị D và anh T không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình thì không công nhận chị Trần Kim D và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng chị D, anh T có 02 người con chung tên Nguyễn Hiếu N, sinh ngày 02/3/2004 và cháu Nguyễn Ái N, sinh ngày 12/11/2012. Đối với cháu Nguyễn Hiếu N hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành có sức khỏe bình thường tự lao động nuôi sống bản thân được chị D, anh T không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Nguyễn Ái N, sinh ngày 12/11/2012 hiện đang sống chung với chị D. Tại biên bản ghi lời khai ngày 20/6/2023 (bút lục số 23) cháu Nguyễn Ái N có nguyện vọng sống với mẹ. Tại bản tự khai ngày

29/5/2023 (bút lục số 18) anh T đồng ý giao cháu Ái N cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Ái N, sinh ngày 12/11/2012 cho chị Trần Kim D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị D và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Trần Kim D và anh Nguyễn Văn T xác định trong thời gian chung sống anh, chị có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị Trần Kim D và anh Nguyễn Văn T xác định trong thời gian chung sống không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Kim D phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 14, 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Kim D và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ái N, sinh ngày 12/11/2012 cho chị Trần Kim D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Kim D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị Trần Kim D có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009178 ngày 30 – 5 – 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, sau khi đối trừ chị D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị Trần Kim D và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện Cái Nước;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân